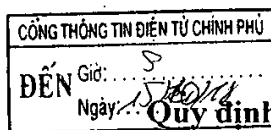


BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1596 /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Vụ Công nghệ thông tin**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Vụ Công nghệ thông tin là tổ chức thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông bao gồm: công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số, công nghiệp phần cứng, điện tử, công nghiệp sản xuất thiết bị viễn thông, khu công nghệ thông tin tập trung.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Vụ Công nghệ thông tin có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chủ trì, nghiên cứu, đề xuất và thực hiện việc xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành hoặc đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông.

2. Chủ trì, phối hợp xây dựng, trình Bộ trưởng phê duyệt hoặc đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án, quyết định, chỉ thị về công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông và tổ chức thực hiện khi được phê duyệt.

3. Hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình và các dự án, công trình quan trọng quốc gia, chương trình, đề án về công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; thực hiện thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông.

4. Chủ trì thẩm định, thẩm tra, hướng dẫn xây dựng các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và giải pháp phát triển trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; các đề án, dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghiệp công nghệ thông tin, thiết bị điện tử - viễn thông khi được phân công.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và hướng dẫn thực hiện các quy định về thuế, phí, lệ phí, các chính sách ưu đãi, ưu tiên đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; xây dựng, trình ban hành danh mục các sản phẩm công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông cần ưu tiên phát triển, danh mục sản phẩm được hưởng ưu đãi sản xuất, xuất nhập khẩu, danh mục sản phẩm công nghệ thông tin, thiết bị điện tử - viễn thông được ưu tiên mua sắm, sử dụng dùng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

6. Trình Bộ trưởng ban hành hoặc đề Bộ trưởng trình cấp thẩm quyền ban hành tiêu chí đánh giá, chứng nhận về tính năng kỹ thuật của sản phẩm công nghệ thông tin, thiết bị điện tử - viễn thông. Tham mưu, trình Bộ trưởng các quy định về chất lượng sản phẩm công nghệ thông tin, thiết bị điện tử - viễn thông thuộc phạm vi quản lý.

7. Chủ trì thẩm định và trình Bộ trưởng cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, sản xuất thiết bị viễn thông theo quy định của pháp luật. Tham gia thẩm định, thẩm tra đối với hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đầu tư, hồ sơ đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông theo phân công.

8. Tham gia đề xuất, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng về công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, tập trung đối với các sản phẩm ưu tiên phát triển; tham gia hướng dẫn kiểm tra việc tuân thủ chuẩn cho các sản phẩm công nghệ thông tin, thiết bị điện tử - viễn thông cho doanh nghiệp.

9. Xây dựng và hướng dẫn áp dụng danh mục sản phẩm công nghệ thông tin, thiết bị điện tử - viễn thông bị cấm, danh mục sản phẩm hạn chế lưu hành

hoặc có điều kiện xuất, nhập khẩu, danh mục sản phẩm đã qua sử dụng cấm nhập khẩu; Xây dựng quy định về hệ thống chứng chỉ, tiêu chuẩn môi trường đối với doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện tử - viễn thông.

10. Xây dựng danh mục công nghệ, sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông trọng điểm, ưu tiên phát triển, các hệ sinh thái, các nền tảng (platform) phát triển công nghiệp công nghệ thông tin phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

11. Thực hiện các hoạt động hỗ trợ thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; phát triển thị trường trong nước, xây dựng phương án hỗ trợ thương mại các sản phẩm công nghệ thông tin, thiết bị điện tử - viễn thông thông qua cơ chế đặt hàng doanh nghiệp, triển khai các sản phẩm công nghệ thông tin, thiết bị điện tử - viễn thông; hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông ra thị trường quốc tế.

12. Tham mưu giúp Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển các khu công nghệ thông tin tập trung; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ thông tin tập trung. Chủ trì thẩm định, trình phê duyệt và hướng dẫn, giám sát, kiểm tra thực hiện các đề án thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ thông tin tập trung. Chủ trì, phối hợp thực hiện các chương trình xúc tiến đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung.

13. Tham mưu các chính sách đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, các cơ sở thử nghiệm công nghiệp đối với ngành công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông.

14. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông. Xây dựng, ban hành, công nhận, tổ chức triển khai áp dụng chuẩn kỹ năng công nghiệp công nghệ thông tin, các quy định về sát hạch, cấp chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng, chứng nhận chuyên môn về công nghiệp công nghệ thông tin.

15. Chủ trì xây dựng, trình ban hành các tiêu chí, chỉ số và tham gia đánh giá, xếp hạng trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông.

16. Tổ chức thống kê, thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu, phân tích dự báo, thông tin thị trường trong nước và quốc tế; xây dựng, phát hành báo cáo toàn cảnh, báo cáo chuyên đề, ấn phẩm về công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về công nghiệp công nghệ

thông tin, điện tử - viễn thông.

17. Xây dựng chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ nội địa, đẩy nhanh ứng dụng, nghiên cứu công nghệ cao trong ngành công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông trên cơ sở liên kết giữa nhà nước - doanh nghiệp - cơ sở đào tạo.

18. Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ thúc đẩy hoạt động của các hội, hiệp hội trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông trong việc tổ chức nghiên cứu chính sách, phân tích xu thế, đào tạo nhân lực chuyên ngành, thiết lập thiết bị hỗ trợ, phát triển thị trường phân phối sản phẩm, áp dụng công nghệ mới, hợp tác quốc tế, hoạt động giao lưu công cộng, khởi nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

19. Tổ chức thực hiện và phối hợp hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông.

20. Tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, nội dung hoạt động hợp tác quốc tế về công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông theo phân công.

21. Thực hiện chức năng Cơ quan thường trực triển khai các dự án, đề án, chương trình, kế hoạch về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông theo phân công của Bộ trưởng.

22. Tổ chức thực hiện các hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; tổ chức hoặc tham gia xét chọn, trao tặng các giải thưởng, bằng khen, danh hiệu trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông theo phân công của Bộ trưởng.

23. Quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, tài sản, hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật và sự phân cấp của Bộ trưởng.

24. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo:

Vụ Công nghệ thông tin có Vụ trưởng và các Phó Vụ trưởng.

Vụ trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Phó Vụ trưởng giúp Vụ trưởng chỉ đạo, điều hành các mặt công tác của Vụ, chịu trách nhiệm trước Vụ trưởng và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức của Vụ do Vụ trưởng quy định.

2. Biên chế của Vụ Công nghệ thông tin do Vụ trưởng xây dựng, trình Bộ trưởng quyết định trong tổng số biên chế hành chính của Bộ được giao.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Bãi bỏ Quyết định số 959/QĐ-BTTTT ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Công nghệ thông tin.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. ➤

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Đơn vị chuyên trách CNTT các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND và Sở TTTT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công TTĐT của Bộ TTTT;
- Lưu: VT, TCCB (165).

Q. BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

